

Trường THPT BÌNH CHÁNH

Tổ chuyên môn: Toán

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN: TOÁN, LỚP 11

- Thời gian làm bài: 90 phút
- 60% Tự luận (6 câu) – 40% trắc nghiệm (20 câu)
- Mức độ: 4 điểm nhận biết – 3 điểm thông hiểu – 2.6 điểm VDT – 0.4 điểm VDC

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức																Tổng số CH		Tg (p)	% Tổng Điểm
			Nhận biết				Thông hiểu				Vận dụng thấp				Vận dụng cao							
			Số CH TN	Tg (p)	Số CH TL	Tg (p)	Số CH TN	Tg (p)	Số CH TL	Tg (p)	Số CH TN	Tg (p)	Số CH TL	Tg (p)	Số CH TN	Tg (p)	Số CH TL	Tg (p)	TN	TL		
1	1. Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác.	1.1. Góc lượng giác.	1															5			1.0	
		1.3. Các công thức lượng giác.	1							1												
		1.4. Hàm số lượng	1																			

		giác và đồ thị.																			
		1.5. Phương trình lượng giác.				1															
2	2. Dãy số, cấp số cộng.	2.1. Dãy số.	1			1												5	1		2.0
		2.2. Cấp số cộng.	1						1												
		2.2. Cấp số nhân.	1		1																
3	3. Giới hạn. Hàm số liên tục	3.1. Giới hạn của dãy số.	1		1													5	3		4.0
		3.2. Giới hạn của hàm số.	1			1		1													
		3.3. Hàm số liên tục.				1					1		1								
4	4. Đường thẳng	4.1 Điểm, đường	1			1												5	3		

	và mặt phẳng. Quan hệ song song trong không gian.	thẳng, mặt phẳng trong không gian.																			3.0
		4.2. Hai đường thẳng song song						1		1											
		4.3. Đường thẳng và mặt phẳng song song.	1									1									
		4.4. Hai mặt phẳng song song.										1		1							
Tổng			10		2		5		2		3		3		2			20	7		100
Điểm (%)			2		2		1		2		0.6		2		0.4			40	60		100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: TOÁN 11 – THỜI GIAN: 90 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
1	1. Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác.	1.1. Góc lượng giác	Nhận biết: Đọc được số đo của 1 góc lượng giác dựa vào hình ảnh cho trước	1TN			
		1.3. Các công thức lượng giác	Nhận biết: + Nhận biết các công thức biến đổi lượng giác cơ bản. + Công thức cộng, công thức góc nhân đôi, công thức biến đổi tích thành tổng và công thức biến đổi tổng thành tích. Vận dụng: Sử dụng công thức lượng giác tính được khoảng cách	1TN		1TN	
		1.4. Hàm số lượng giác và đồ thị	Nhận biết: Tìm được tập giá trị của hàm số lượng giác	1TN			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
		1.5. Phương trình lượng giác	Thông hiểu: Giải phương trình lượng giác cơ bản.		1TN		
2	2. Dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân.	2.1. Dãy số	Nhận biết: Cho công thức của số hạng tổng quát u_n , tìm số hạng u_k . Thông hiểu: Tính chất tăng, giảm, của dãy số	1TN	1TN		
		2.2. Cấp số cộng	Nhận biết: Cho CSC có u_1, d . Tìm số hạng bất kỳ Vận dụng : Giải quyết một số vấn đề gắn với cấp số cộng.	1TN		1TN	
		2.3. Cấp số nhân	Nhận biết: Cho CSN có u_1, q . Tìm số hạng bất kỳ, tính tổng S_k của CSN. (TL) Thông hiểu: Nhận ra một dãy số có phải là CSN không?	1TL 1TN			
3	3. Giới hạn. hàm số liên tục	3.1. Giới hạn của dãy số	Nhận biết: Nhận ra được giới hạn của dãy đơn giản Nhận biết: Tính giới hạn của dãy số (TL)	1TN 1TL			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
		3.2. Giới hạn của hàm số	Nhận biết: Nhận ra giới hạn của hàm số đơn giản Thông hiểu: + Tìm được giới hạn 1 bên + Tính được giới hạn của hàm số dạng chứa căn bậc hai (TL)	1TN	1TL 1TN		
		3.3. Hàm số liên tục	Thông hiểu: Xét được tính liên tục của hàm số Vận Dụng: Tìm được giá trị của tham số để hàm số $f(x)$ liên tục tại 1 điểm (TL) Vận dụng cao: Bài toán thực tế về tính liên tục		1TN	1TL	1TN
4	4. Đường thẳng và mặt phẳng. Quan hệ song song trong không gian.	4.1 Điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong không gian.	Nhận biết: + Nhận biết các quan hệ liên thuộc giữa điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong không gian + Nhận biết giao tuyến Thông hiểu: Xác định được giao tuyến 2 mặt phẳng	1TN	1TN		
		4.2. Hai đường thẳng song song.	Thông hiểu: Xác định giao tuyến của 2 mặt phẳng (TL) Vận dụng: Tìm được giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng.		1TL	1TN	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
		4.3 Đường thẳng và mặt phẳng song song	Nhận biết: Chỉ ra được đường thẳng song song với mặt phẳng Vận dụng thấp: Chứng minh đường thẳng song song với mặt phẳng (TL)	1TN		1TL	
		4.4. Hai mặt phẳng song song.	Nhận biết: Nhận biết hình chóp, hình lăng trụ Vận dụng thấp: Chứng minh hai mặt phẳng song song (TL) Vận dụng cao: Áp dụng các tính chất, định lý tính được độ dài đoạn thẳng, tỉ số độ dài			1TL	1TN
Tổng				10TN 2TL	5TN 2TL	3TN 3TL	2TN